

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2024/HS-ST

Ngày: 19/7/2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Thôi.

2. Ông Trịnh Ngọc Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Vương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Lại Đức Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 40/2024/TLST-HS ngày 21/6/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2024/QĐXXST-HS ngày 27/6/2024, đối với bị cáo:

Trần Thanh H, sinh năm 1989 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: số A, ấp B, xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: không; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T, sinh năm: 1965 và bà Lê Thị H1, sinh năm 1964; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: không; tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 04/6/2024 bị Công an thành phố B xử phạt số tiền 1.500.000 đồng về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy (Quyết định xử phạt vi phạm vi phạm hành chính Số 168/QĐ-XPHC);

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/01/2024, chuyển tạm giam từ ngày 08/01/2024 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Trịnh Nhựt G, sinh năm 1990; nơi cư trú: số B, khu phố A, phường E, thành phố B, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

2. Bà Lê Thị H1, sinh năm 1964; nơi cư trú: số A, ấp B, xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre (có mặt).

- *Người chứng kiến:*

1. Ông Trần Toàn T1, sinh năm 1975; nơi cư trú: số I, ấp A, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

2. Ông Phan Văn L, sinh năm 1972; nơi cư trú: ấp L, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 45 phút ngày 05/01/2024, Lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố B phối hợp Công an xã M, thành phố B tiến hành tuần tra trên địa bàn xã M, thành phố B, khi đến khu vực phía trước Cửa hàng xe đạp điện Út Diện, địa chỉ nhà không số đường T, ấp A, xã M, thành phố B phát hiện Trần Thanh H điều khiển xe mô tô biển số 71B4-658.21 có dấu hiệu bất thường nên yêu cầu H dừng xe lại để kiểm tra, lực lượng Công an phát hiện H vứt bỏ 02 (hai) túi nylon màu cam hàn kín 03 (ba) phía, phía còn lại có rãnh khếp và vạch màu đen, bên trong có chứa tinh thể màu trắng nghi là ma túy xuống đường. Lời khai ban đầu, H khai nhận với Lực lượng Công an đây là các gói ma túy đá của H mua để sử dụng, H định đem đi sử dụng thì bị Lực lượng Công an phát hiện.

Vật chứng thu giữ: 02 (hai) túi nylon màu cam hàn kín 03 (ba) phía, phía còn lại có rãnh khếp và vạch màu đen, bên trong có chứa tinh thể màu trắng nghi là ma túy; xe mô tô biển số 71B4-658.21; nhãn hiệu: HONDA; số loại WAVE, màu sơn: Xanh Đen B; Số khung: RLHJA3920MY151404; Số máy: JA39E2269326.

Tiến hành khám xét khẩn cấp tại chỗ ở và vùng phụ cận nơi Trần Thanh H ở nhà số A, ấp B, xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre, phát hiện tại phòng bếp:

- Tủ gỗ kích thước 1,1m x 45cm x 1,5m sát tường hướng Bắc trong ngăn kéo thứ nhất trên cùng bên phải kích thước 55cm x 18cm x 42cm có một hộp bằng kim loại màu trắng đỏ, kích thước 22cm x 06cm x 09cm bên trong hộp có 02 (hai) túi nylon màu trắng được hàn kín ba phía, phía còn lại có rãnh khếp và vạch màu đỏ bên trong có chứa tinh thể màu trắng ghi là ma túy được niêm phong trong phong bì có kí hiệu K1 và 01 (một) cân điện tử màu trắng;

- Trong ngăn kéo bên trái kích thước 72cm x 45cm x 43cm có một hộp đựng bút có dây kéo màu đỏ, kích thước 22cm x 10cm x 05cm bên trong hộp đựng bút có 15 (mười lăm) túi nylon màu trắng được hàn kín ba phía, phía còn lại có rãnh khếp và vạch màu đỏ bên trong có tinh thể màu trắng nghi là chất ma túy được niêm phong trong phong bì có kí hiệu K2;

- Trong tủ kim loại ở phòng bếp kích thước 60cm x 60cm x 35cm ở hướng N phát hiện một bình nhựa nắp đỏ trên nắp có gắn nỏ và ống hút màu trắng; Một bình nhựa nắp màu trắng trên nắp có gắn Nỏ và ống hút màu hồng;

- Trong tủ gỗ ở phòng bếp phát hiện 10 túi nylon rỗng màu cam hàn kín 03 phía, phía còn lại có rãnh khếp và vạch màu đen;

Quá trình điều tra Trần Thanh H khai nhận: Khoảng 20 giờ ngày 04/01/2024 H đến đường hẻm gần Quán B ở xã B gặp đối tượng nam thanh niên tên T2 (không biết tên thật và địa chỉ đầy đủ) hỏi mua ma túy đá với giá 13.400.000 đồng đem về nhà H ở số A, ấp B, xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre cất giấu nhằm mục đích để sử dụng. Khoảng 11 giờ 45 phút ngày 05/01/2024, H mượn xe mô tô biển số 71B4-658.21 của Trịnh Nhật G1 (là bạn của H) để đi công chuyện, trong người H có đem theo 02 túi ma túy đá để có điều kiện thì sử dụng. Khi điều khiển xe đến phía trước Cửa hàng bán xe đạp điện Ú thì bị Lực lượng Công an phát hiện lập Biên bản làm việc và thu giữ tang vật là ma túy.

Tại Kết luận giám định số 28/2024/KL-KTHS ngày 08/01/2024 của Phòng K Công an tỉnh B kết luận: Tinh thể màu trắng đựng trong 02 (hai) túi nylon được niêm phong trong phong bì gửi giám định là ma túy; loại Methamphetamine; khối lượng: 0,3599 gam. Tinh thể màu trắng đựng trong 02 (hai) túi nylon được niêm phong trong phong bì ký hiệu K1 gửi giám định là ma túy; loại Methamphetamine; khối lượng: 2,5840 gam. Tinh thể màu trắng đựng trong 15 (mười lăm) túi nylon được niêm phong trong phong bì ký hiệu K2 gửi giám định là ma túy; loại Methamphetamine; khối lượng: 37,3134 gam. Tổng cộng: 40,2573 gam Methamphetamine;

H2 lại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B: Mẫu vật bên trong 02 (hai) túi nylon màu cam: 0,2606 gam; Mẫu vật ký hiệu K1: 2,4269 gam; Mẫu vật ký hiệu K2: 36,9583 gam.

Quá trình điều tra, Trần Thanh H khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với Biên bản làm việc, biên bản khám xét khẩn cấp, vật chứng thu giữ, Kết luận giám định, lời khai người chứng kiến và các chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập.

Ngày 03/6/2024 Cơ quan điều tra đã trả lại xe mô tô biển số 71B4-658.21 cho anh Trịnh Nhật G1 là chủ sở hữu xe.

Đối với 02 bình nhựa có gắn nổ thủy tinh và ống hút; một cân điện tử màu trắng; 10 (mười) túi nylon rỗng màu cam hàn kín ba phía phía còn lại có rãnh khếp màu đen; 39,6458 gam là chất ma túy còn lại sau giám định là công cụ, phương tiện bị cáo dùng để sử dụng trái phép chất ma túy và là vật chứng vụ án nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B tiếp tục tạm giữ để xử lý theo luật định.

Tại cáo trạng số 43/CT-VKSTPBT ngày 20/6/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre đã truy tố bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung cáo trạng và đề nghị:

Về hình phạt chính: áp dụng điểm b khoản 3 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo từ 10 đến 12 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Về hình phạt bổ sung đề nghị không áp dụng.

Về xử lý vật chứng: đề nghị áp dụng các Điều 46, 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Ghi nhận: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả lại xe mô tô biển số 71B4-658.21 cho anh Trịnh Nhật G1 là chủ sở hữu xe.

Tịch thu tiêu hủy: chất ma túy và vỏ bao gói còn lại sau giám định; 02 (hai) bình nhựa 01 bình có nắp màu trắng, 01 bình có nắp màu đỏ trên nắp gắn nổ thủy tinh và ống hút; 01 (một) cân điện tử; 10 (mười) túi nylon rỗng màu cam hàn kín ba phía, phía còn lại có rãnh khếp và vạch màu đen.

Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố. Bị cáo không khiếu nại các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị H1 trình bày: bà là mẹ của bị cáo, bị cáo sống chung nhà với bà nhưng bà thường xuyên đi làm nên không biết bị cáo cất giấu và sử dụng ma túy ở nhà. Trong vụ án này bà không có yêu cầu gì liên quan.

Bị cáo nói lời sau cùng: bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người chứng kiến nhưng quá trình điều tra, họ đã có lời khai đầy đủ, rõ ràng, sự vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ là phù hợp theo quy định tại Điều 292; Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của những người chứng kiến và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra, đủ cơ sở xác định: Khoảng 11 giờ 45 phút ngày 05/01/2024, bị cáo Trần Thanh H đã có hành vi tàng trữ trái phép 0,3599 gam ma túy, loại Methamphetamine nhằm mục đích để sử dụng, tại khu vực phía trước Cửa hàng xe đạp điện Út Diện, nhà không số đường T, ấp A, xã M, thành phố B bị Lực lượng Công an phát hiện lập Biên bản phạm tội quả tang. Tiến hành khám xét nơi ở và vùng phụ cận nhà của bị cáo H ở số A, ấp B, xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre phát hiện bị cáo H còn tàng trữ trong tủ gỗ ở nhà bếp 39,8974 gam ma túy, loại Methamphetamine nhằm mục đích

để sử dụng. Tổng số ma túy mà bị cáo H tàng trữ nhằm mục đích để sử dụng là: 40,2573 gam ma túy, loại Methamphetamine.

[3] Bị cáo là người có đủ năng lực nhận biết việc cất giấu ma túy là bị pháp luật nghiêm cấm nhưng bị cáo vẫn cố ý mua và cất giấu 40,2573 gam ma túy, loại Methamphetamine để sử dụng nhằm thỏa mãn cơn nghiện. Vì vậy, Cáo trạng truy tố bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 249 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến sự quản lý độc quyền của Nhà nước đối với các chất ma túy, đe dọa xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm và sự phát triển bình thường của con người, gây tác động xấu đến tình hình an ninh trật tự nơi bị cáo thực hiện tội phạm, nguyên nhân phát sinh các tội phạm và các tệ nạn xã hội khác, gây tâm lý bất an trong quần chúng nhân dân.

[5] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tiền án, tiền sự nhưng ngày 05/01/2024 bị cáo có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy nên bị Công an thành phố B xử phạt số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” (Quyết định số 168/QĐ-XPHC ngày 04/6/2024). Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ hình phạt “Người phạm tội thành khẩn khai báo” theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi bị cáo gây ra, xét thấy việc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là điều cần thiết nhằm cải tạo giáo dục bị cáo trở thành công dân lương thiện có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: bị cáo không có tài sản và thu nhập ổn định nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả lại xe mô tô Biển số 71B4-658.21 cho anh Trịnh Nhật G1 là chủ sở hữu xe.

Tịch thu tiêu hủy: chất ma túy và vỏ bao gói còn lại sau giám định; 02 (hai) bình nhựa 01 bình có nắp màu trắng, 01 bình có nắp màu đỏ trên nắp gắn nõ thủy tinh và ống hút; 01 (một) cân điện tử; 10 (mười) túi nylon rỗng màu cam hàn kín ba phía, phía còn lại có rãnh khếp và vạch màu đen là dụng cụ để bị cáo tàng trữ, sử dụng ma túy.

[8] Kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B xác minh, làm rõ đối tượng đã bán ma túy cho bị cáo H để xử lý theo quy định pháp luật. Việc bị cáo tàng trữ ma túy tại nhà số A, ấp B, xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre của bà Lê Thị H1 nhưng bà H1 không biết và không có liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo. Việc anh Trịnh Nhật G1 là bạn của bị cáo cho bị cáo mượn xe mô tô biển số 71B4-658.21 nhưng anh G1 không biết và không có liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó, việc cơ quan có thẩm quyền không truy cứu trách nhiệm hình sự

đối với bà H1, anh G1 là phù hợp. Hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của bị cáo vào ngày 05/01/2024 đã bị Công an thành phố B xử phạt số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” (Quyết định số 168/QĐ-XPHC ngày 04/6/2024) là phù hợp nên ghi nhận.

[9] LỜI phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, điều luật áp dụng, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hình phạt và xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp đề nghị áp dụng đối với bị cáo là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm: bị cáo phải nộp theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Thanh H phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

1. Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Thanh H 10 (mười) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/01/2024.

2. Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp: áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: Chất ma túy và vỏ bao gói còn lại sau giám định được niêm phong trong phong bì 28/2024 có chữ ký ghi tên Phạm Hải N, Phan Trung T3, Trần Thanh H và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng K Công an tỉnh B; 02 (hai) bình nhựa: 01 bình có nắp màu trắng, 01 bình có nắp màu đỏ trên nắp gắn nỏ thủy tinh và ống hút; 01 (một) cân điện tử; 10 (mười) túi nylon rộng màu cam hàn kín ba phía, phía còn lại có rãnh khếp và vạch màu đen.

(Vật chứng hiện do Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre quản lý).

3. Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Trần Thanh H phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

4. Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được thông đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- Cơ quan điều tra CATP Bến Tre (1b);
- Cơ quan THAHS CATP Bến Tre (1b);
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND xã B, TPBT (1b);
- Bị cáo (1b);
- Người TGGT (2b);
- Bộ phận thi hành án Hình sự (3b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Đạt